

Bảo tồn di sản văn hóa của Việt Nam hiện nay

Lưu Thị Thu Thủy^(*)

Tóm tắt: Trong những năm qua, công cuộc bảo tồn di sản văn hóa của Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu khả quan, góp phần bảo vệ, lưu giữ, trao truyền các giá trị văn hóa của quá khứ, đồng thời, khai thác tốt phương diện kinh tế của di sản, đóng góp hiệu quả cho ngân sách quốc gia. Tuy nhiên, công cuộc này cũng đang đối mặt với rất nhiều thách thức, khó khăn trong việc xử lý hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển, giữ gìn và khai thác, mục tiêu kinh tế và mục tiêu văn hóa. Bài viết điểm lại những phương thức bảo tồn di sản văn hóa chính và các vấn đề đặt ra cho công tác bảo tồn di sản văn hóa của Việt Nam. Trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường bảo tồn di sản văn hóa ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Bảo tồn di sản, Văn hóa phi vật thể, Văn hóa vật thể, Chính sách bảo tồn, Việt Nam

Abstract: Over the years, Vietnam's positive achievements in cultural heritage preservation have contributed to protecting, preserving, and transmitting cultural values of the past as well as making good use of heritage sites regarding economic aspects which correspondingly enriches the national budget. However, this also has faced several challenges and difficulties in harmonizing conservation and development, preservation and exploitation, as well as economic and cultural goals. The article reviews the main solutions of cultural heritage preservation and some issues in preserving cultural heritage in Vietnam today, thereby proposing solutions to promote such an effort.

Keywords: Heritage Preservation, Intangible Culture, Tangible Culture, Heritage Preservation Policy, Vietnam

1. Mở đầu

Hiện nay có nhiều cách hiểu khác nhau về di sản văn hóa (DSVH). Điều 1, Luật Di sản văn hóa của Việt Nam (2001) ghi rõ: “Di sản văn hóa bao gồm di sản văn hóa phi vật thể và di sản văn hóa vật thể, là sản phẩm tinh thần, vật chất có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”. Trong

cách tiếp cận giá trị văn hóa này, ta thấy DSVH bao gồm hầu hết các giá trị văn hóa do thiên nhiên và con người tạo nên trong quá khứ. Nó là phần tinh túy nhất, tiêu biểu nhất đọng lại sau hàng loạt hoạt động sáng tạo của con người từ đời này qua đời khác. Theo đó, *DSVH vật thể* là sản phẩm vật chất có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, bao gồm di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia”. Còn *DSVH phi vật thể* được hiểu là các tập quán, các hình thức thể hiện, biểu đạt, tri thức, kỹ năng và kèm theo đó là những công cụ, đồ vật, đồ tạo tác và các

^(*) ThS., Viện Thông tin Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;
Email: luuthuthuy76@yahoo.com

không gian văn hóa có liên quan mà các cộng đồng, các nhóm người và trong một số trường hợp là các cá nhân, công nhận là một phần DSVH của họ (Cục Di sản văn hóa, 2007: 15-16, 84). Hay trong *Công ước Bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới* năm 1972 của UNESCO, khái niệm “di sản văn hóa” được định nghĩa là những hiện vật vật chất được coi là có giá trị kiến trúc và nghệ thuật theo tiêu chí của các “chuyên gia”. Trong mối quan hệ với triết lý phát triển mang tính phổ quát này, DSVH được hiểu theo nghĩa hẹp, vì vậy, không phải là nguồn lực cho sự phát triển và không thể đồng hành cùng phát triển. Nhiệm vụ của chính phủ các nước và các tổ chức quốc tế, trong đó có UNESCO, thay vào đó, là làm thế nào để có thể bảo tồn nguyên vẹn các DSVH theo nghĩa hẹp này trước sự đe dọa của quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở các nước phát triển cũng như các nước đang phát triển (Nguyễn Thị Phương Châu, Hoàng Cẩm, 2022: 64).

Về bảo tồn DSVH, hiện nay trên thế giới có nhiều quan điểm khác nhau, nhưng tựu trung lại có hai luồng quan điểm chính là: *bảo tồn nguyên vẹn* và *bảo tồn trên cơ sở kế thừa*. Quan điểm *bảo tồn nguyên vẹn* được khá nhiều học giả ủng hộ, họ cho rằng những sản phẩm của quá khứ nên được bảo vệ một cách nguyên vẹn như nó vốn có, cố gắng phục hồi nguyên gốc các DSVH vật thể và phi vật thể cũng như cố gắng cách ly di sản khỏi môi trường xã hội đương đại (Nguyễn Chí Bền, 2010: 52). Quan điểm *bảo tồn trên cơ sở kế thừa* là xu hướng chính được các học giả quốc tế và trong nước quan tâm nhất hiện nay. Alfrey, Putnam, Ashworth, P.J. Larkham xem di sản như một ngành công nghiệp và cần phải có cách thức quản lý di sản tương tự với cách thức quản lý của một ngành công

ngiệp văn hóa với những logic quản lý đặc biệt, phù hợp với tính đặc thù của các di sản. Corner và Harvey đặt vấn đề quản lý di sản dưới cách tiếp cận toàn cầu hóa. Moore và Caulton quan tâm tới việc lưu giữ DSVH thông qua cách tiếp cận và phương tiện kỹ thuật mới... (Dẫn theo: Nguyễn Chí Bền, 2010: 26).

Ở Việt Nam, quan điểm về bảo tồn văn hóa đã được xây dựng trên cơ sở 5 quan điểm cơ bản chỉ đạo sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam được xác định trong Nghị quyết số 03-NQ/TW ngày 16/7/1998 của Ban Chấp hành Trung ương tại Hội nghị Trung ương 5, khóa VIII của Đảng về xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Theo đó, bảo tồn và phát huy DSVH dân tộc là nhiệm vụ then chốt của chiến lược phát triển văn hóa¹.

2. Chính sách bảo tồn di sản văn hóa

Tại Hội nghị Trung ương 9, khóa XI, Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước được Ban Chấp hành Trung ương Đảng ban hành với mục tiêu cao nhất là nhằm xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học, bên cạnh đó là các quan điểm chỉ

¹ Bảo tồn văn hóa gồm các hoạt động: điều tra toàn diện, nghiên cứu, sưu tầm, bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử, văn hóa và văn hóa phi vật thể; các loại hình nghệ thuật cổ truyền đặc sắc, văn hóa dân gian của từng địa phương, từng vùng văn hóa, từng vùng dân tộc; nghề thủ công truyền thống, lễ hội tiêu biểu, kho tàng Hán Nôm. Kết hợp hài hòa việc bảo tồn và phát huy giá trị DSVH với các hoạt động phát triển kinh tế, du lịch bền vững (Xem: Đặng Văn Bài, 2013: 9).

đạo đối với việc bảo tồn, phát huy DSVH trong phát triển kinh tế - xã hội. Nghị quyết nêu rõ: Xây dựng cơ chế để giải quyết hợp lý, hài hòa giữa bảo tồn, phát huy DSVH với phát triển kinh tế - xã hội. Bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa tiêu biểu, phục vụ giáo dục truyền thống và phát triển kinh tế; gắn kết bảo tồn, phát huy DSVH với phát triển du lịch. Phục hồi và bảo tồn một số loại hình nghệ thuật truyền thống có nguy cơ mai một. Phát huy các di sản được UNESCO công nhận, góp phần quảng bá hình ảnh đất nước và con người Việt Nam.

Kể từ Nghị quyết số 03-NQ/TW và Nghị quyết số 033-NQ/TW được ban hành đến nay, Việt Nam đã xây dựng được một hành lang pháp lý tương đối thống nhất để bảo tồn và phát triển hệ thống DSVH, bao gồm: 01 luật, 01 luật sửa đổi, bổ sung; 08 nghị định của Chính phủ; 03 quyết định và 01 chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành 17 thông tư, 08 quyết định, 03 chỉ thị theo thẩm quyền; đồng thời, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cũng đã phối hợp Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nội vụ để ban hành 02 thông tư liên tịch (Xem thêm: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, 2022: 1). Chẳng hạn như: Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/6/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; Nghị định số 109/2017/NĐ/CP ngày 21/9/2017 của Chính phủ quy định Về bảo vệ và quản lý Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới ở Việt Nam; Quyết định số 1230/QĐ-TTg ngày 15/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Bảo tồn và phát huy bền vững giá trị di sản văn hóa Việt Nam, giai đoạn 2021-2030; Quyết định số 2026/QĐ-TTg ngày

02/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình số hóa Di sản văn hóa Việt Nam, giai đoạn 2021 - 2030; Công văn số 3380/BVHTTDL-DSVH ngày 08/9/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện một số nội dung thuộc Chương trình bảo tồn, phát huy bền vững giá trị di sản văn hóa Việt Nam, giai đoạn 2021-2030 và Chương trình số hóa Di sản văn hóa Việt Nam, giai đoạn 2021-2030; Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL ngày 07/06/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, thay thế hoặc bãi bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thông tư số 71/2022/TT-BTC ngày 02/11/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình bảo tồn và phát huy bền vững giá trị di sản văn hóa Việt Nam giai đoạn 2021-2025 và Chương trình số hóa di sản văn hóa Việt Nam giai đoạn 2021-2030...

Hệ thống pháp luật này vẫn tiếp tục được bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với thực tiễn và phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước nói riêng và phù hợp với các công ước quốc tế về di sản mà Việt Nam đã tham gia nói chung (Xem: Nguyễn Hồ Phong, 2014; Đỗ Thị Thanh Hương, 2022). Có thể nói, hệ thống văn bản này là cơ sở pháp lý cũng như kim chỉ nam để thực thi hoạt động bảo tồn DSVH ở Việt Nam. Trong quá trình thực hiện, hệ thống văn bản pháp luật về bảo tồn DSVH của Việt Nam đã giúp công tác bảo vệ di sản đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận, nhưng cũng bộc lộ một số hạn chế.

3. Thực trạng bảo tồn di sản văn hóa ở Việt Nam

Việt Nam là một đất nước có kho tàng DSVH lớn với gần 40 ngàn di sản vật thể,

60 ngàn di sản phi vật thể, trong số đó UNESCO công nhận 8 DSVH và thiên nhiên thế giới, 7 DSVH phi vật thể đại diện của nhân loại, 2 DSVH phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp, 4 di sản tư liệu, gần 3.000 di tích được xếp hạng quốc gia, 7.500 di tích cấp tỉnh cùng gần 8.000 lễ hội, trong đó hơn 3.000 lễ hội dân gian thể hiện rõ bản sắc văn hóa độc đáo của cộng đồng 54 dân tộc Việt Nam (Theo: Lâm Thị Mỹ Dung và các cộng sự, 2018: 16-17). Do đó, khai thác và bảo tồn giá trị di sản của dân tộc là mảng đề tài được không ít các học giả quan tâm công bố nhiều công trình nghiên cứu có hàm lượng khoa học. Từ nhiều khía cạnh với đa dạng góc độ tiếp cận, các nghiên cứu đã chỉ ra những phương thức bảo tồn DSVH chính cũng như một số vấn đề đặt ra trong công tác bảo tồn DSVH ở Việt Nam hiện nay.

3.1. Một số phương thức bảo tồn DSVH của Việt Nam

Thứ nhất, làm tốt việc bảo tồn di sản nhưng chưa khai thác được lợi thế kinh tế: Nghiên cứu của Từ Thị Loan (2021) cho thấy, đây là một trong những cách bảo tồn theo kiểu cũ và phần lớn kinh phí bảo tồn được cấp từ ngân sách nhà nước, do đó nhiều nơi còn thụ động trong công tác bảo tồn, ít đổi mới, không dám nghĩ dám làm, nhiều di sản được bảo tồn chỉ để bảo tồn mà không tính tới việc khai thác giá trị kinh tế. Cách bảo tồn này một phần là do quan điểm bảo tồn nguyên trạng các DSVH, không làm biến dạng, thay đổi hiện trạng của di sản và quan điểm này đúng với các DSVH vật thể, các công trình kiến trúc hội họa, di chỉ khảo cổ học, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia... Bảo tồn DSVH theo hướng này hầu hết chỉ quan tâm đến bảo tồn, gìn giữ truyền thống mà ít chú ý đến yếu tố khai thác giá trị di sản cũng như tính kinh tế của di sản. Ví dụ

như chúng ta làm tốt việc bảo tồn, tuân thủ gìn giữ lối hát của Quan họ cổ, Ca trù... tuy nhiên lại khó phát huy giá trị của di sản trong đời sống đương đại, không thu hút được công chúng, nhất là giới trẻ.

Thứ hai, khai thác tốt trên khía cạnh giá trị kinh tế nhưng bảo tồn di sản kém: Phương thức này hướng tới khai thác tối đa giá trị kinh tế của di sản, gắn bảo tồn với phát triển kinh tế. Tại các địa phương, nhiều DSVH phi vật thể gắn với di tích lịch sử, văn hóa đã trở thành sản phẩm du lịch thu hút du khách trong và ngoài nước, tạo nên thương hiệu, dấu ấn riêng của địa phương có di sản như: Lễ hội Đua ghe ngo Sóc Trăng, Lễ hội Bà Chúa Xứ An Giang, Lễ hội Ook om bok Trà Vinh, Lễ hội Kate hay Gốm Chăm ở Bà Trú, tỉnh Ninh Thuận, lễ hội chọi trâu ở Đồ Sơn, lễ hội Gióng, lễ hội Đền Trần... (Thông tấn xã Việt Nam, 2022). Tuy nhiên, tình trạng khai thác quá mức, cạn kiệt di sản, xâm hại, bóp méo di sản, bảo tồn kém đã diễn ra như Quần thể danh thắng Tràng An từng ngang nhiên bị xẻ núi dựng cột bê tông làm đường dài; loạt trường hợp trùng tu, tôn tạo không quan tâm đến yếu tố gốc như: Lăng Ngô Quyền (2014), Tam quan chùa Bồ Đà (2017), Bia Quốc học Huế (2017), xây mới tượng Bà Chúa Xứ thứ 2 trên núi Sam (2017), v.v...

Thứ ba, đảm bảo hài hòa, cân đối giữa bảo tồn DSVH và khai thác phát triển kinh tế - xã hội: Khai thác và bảo tồn theo hướng này hay còn gọi là “bảo tồn thích ứng” là một trong những xu hướng mới được khuyến khích hiện nay vì đảm bảo được “mục tiêu kép” là bảo tồn di sản, đồng thời khai thác tốt giá trị kinh tế của di sản. Tuy nhiên, đây là bài toán tương đối khó với Nhà nước cũng như chính quyền địa phương nơi lưu giữ di sản. Mặc dù vậy đã có một số nơi cân đối được cả hai mục

tiêu nói trên, như trường hợp phố cổ Hội An, Hạ Long, Văn Miếu, quần thể di tích cổ đô Huế, ca Huế, nhã nhạc cung đình Huế, hát Xoan... được đưa vào khai thác phục vụ du khách... ở đó vừa bảo tồn được tốt tình trạng của di sản cũng như khai thác được giá trị kinh tế của di sản, tôn vinh di sản, đem lại nguồn thu lớn cho ngân sách địa phương.

Thứ tư, khai thác di sản gắn với phát triển du lịch: Thực tiễn những năm qua cho thấy, các di sản thế giới đã góp phần ngày càng quan trọng trong việc phát triển du lịch của Việt Nam. Nhiều hoạt động quảng bá di sản đã góp phần quảng bá du lịch, thu hút du khách trong và ngoài nước, tiêu biểu như: Năm du lịch Hạ Long, Festival Huế, Quảng Nam hành trình di sản, Đêm rằm phố cổ (Hội An), Con đường di sản miền Trung, v.v... Nhiều loại hình du lịch thông qua đó đã phát triển như: du lịch nhà vườn, du lịch sinh thái, tham quan các làng nghề, du lịch văn hóa, du lịch tâm linh về nguồn, v.v... trở thành những điểm hấp dẫn, thu hút nhiều du khách trong nước và quốc tế, góp phần không nhỏ trong phát triển kinh tế - xã hội, tạo việc làm, thay đổi cơ cấu kinh tế của địa phương nơi có di sản, giúp quảng bá hình ảnh Việt Nam ra thế giới thông qua con đường du lịch, giao lưu và hợp tác văn hóa. Lúc này “di sản không phải là di sản chết mà phải đóng góp vào phát triển bền vững. Như vậy, chúng ta có nhiệm vụ làm di sản luôn hồi sinh và tồn tại có ích (Dẫn theo: Đức Tuấn, 2018).

Thứ năm, bảo tồn DSVH gắn với nâng cao nhận thức người dân và toàn xã hội về bảo tồn DSVH: Có thể thấy, thông qua chính sách và công tác quảng bá, tuyên truyền, nhận thức của người dân về DSVH, vai trò của công tác bảo tồn đã từng bước nâng cao. Hiện nay, hệ thống văn bản pháp luật và các

chính sách về DSVH của Việt Nam đang từng bước được xây dựng, bổ sung làm căn cứ để triển khai các hoạt động tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị DSVH của dân tộc. Bên cạnh đó, nhiều hoạt động tuyên truyền, quảng bá di sản, hay lớp học bồi dưỡng về di sản và giá trị di sản được tổ chức góp phần nâng cao ý thức của người dân.

Cuối cùng, xã hội hóa về bảo tồn DSVH. Chúng ta đã huy động được nhiều nguồn lực xã hội dành cho công tác bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phục hồi DSVH. Bên cạnh đó, hợp tác quốc tế về bảo tồn và phát huy giá trị DSVH được tăng cường, mở rộng. Thông qua các hoạt động hợp tác quốc tế, Việt Nam đã thu hút được sự hỗ trợ và đầu tư từ nhiều quốc gia, nhiều tổ chức quốc tế dành cho lĩnh vực bảo tồn và phát huy DSVH. Ví dụ như UNECO và Nhật Bản đã giúp Việt Nam bảo tồn di tích Hoàng thành Thăng Long, cổ đô Huế, thành nhà Hồ; Quỹ Bảo tồn Di sản văn hóa của Đại sứ Hoa Kỳ tại Việt Nam đã tài trợ cho nhiều dự án bảo tồn về vật thể và phi vật thể của Việt Nam...

3.2. Một số vấn đề đặt ra trong bảo tồn DSVH của Việt Nam

(i) Hệ thống văn bản pháp luật về DSVH còn thiếu đồng bộ, vì vậy chưa xử lý được đầy đủ những phát sinh, vướng mắc trong quá trình quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị DSVH; Chưa tạo được hành lang pháp lý mở rộng và các cơ chế mang tính đột phá để nâng cao hiệu quả hoạt động của quản lý nhà nước về DSVH; Nhiều quy định về thực hiện phân cấp quản lý nhà nước về DSVH, quy định về bảo vệ, phát huy giá trị di sản chưa phù hợp với thực tiễn, đặc biệt là trong hệ thống những quy định về DSVH phi vật thể... (Đặng Văn Bài, 2022). Chẳng hạn, trong lĩnh vực tu bổ, tôn tạo DSVH vật thể, một số quy định pháp luật về đầu

tư công, pháp luật về xây dựng, pháp luật về bảo vệ môi trường còn chông chéo với pháp luật về DSVH. Thậm chí tiêu chí xác định các DSVH phi vật thể được quy định trong luật chưa được thống nhất, quy định chưa cụ thể (Nguyễn Hồ Phong, 2014: 78).

(ii) Hoạt động quản lý bảo tồn DSVH và khai thác DSVH chưa đạt hiệu quả cao. Tại nhiều nơi, tình trạng xâm lấn di sản, lấy trộm cổ vật, vấn đề tiền công đức ở các cơ sở thờ tự, hiện tượng mê tín dị đoan ở các DSVH tâm linh như đình, chùa... xảy ra ở nhiều địa phương. Đặc biệt, khai thác di sản phục vụ du lịch còn tồn tại nhiều vấn đề như: thiếu bảo tồn di sản khi khai thác do nhận thức và đặt các mục tiêu kinh tế cao hơn mục tiêu bảo vệ di tích; công tác quản lý di tích chưa hiệu quả trong việc xử lý các vi phạm, thiếu chính sách, chế tài khuyến khích xã hội hóa công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích; thiếu đồng bộ cho việc đầu tư trùng tu di tích, công tác quảng bá giới thiệu di sản chưa hiệu quả; công tác giáo dục, tuyên truyền, đào tạo cán bộ khai thác hoạt động du lịch chưa được coi trọng (Phan Thị Phương Thảo và các cộng sự, 2022: 77).

(iii) Nhận thức về mối quan hệ giữa bảo tồn DSVH và khai thác phát triển kinh tế - xã hội thực sự chưa sâu sắc và toàn diện, chưa thực sự đảm bảo hài hòa giữa các mục tiêu, đó là khai thác giá trị di sản vào mục đích kinh tế nhưng đồng thời phải bảo tồn di sản, không được khai thác triệt để, cạn kiệt di sản. Nhiều di sản bị xâm hại trong quá trình trùng tu, tôn tạo di tích; khai thác quá mức nguồn tài nguyên di sản thiên nhiên trong khi chưa quan tâm đầy đủ đến tính hài hòa và bền vững về mặt môi trường và xã hội; hay hiểu sai về vai trò của cộng đồng trong thực tiễn bảo vệ di sản, đặc biệt là đối với DSVH phi vật thể.

4. Giải pháp bảo tồn di sản văn hóa

Để làm tốt công tác bảo tồn DSVH cũng như giải quyết được những vấn đề còn hạn chế trong bảo tồn DSVH ở Việt Nam hiện nay, nghiên cứu của các tác giả Trịnh Thị Thủy (2021), Hoàng Thùy Linh và Ngô Thị Kim Liên (2020), Phan Thị Diễm Hương (2021), Đức Hoàng (2022), Nguyễn Thị Phương Châm và Hoàng Cầm (2022) chỉ ra:

Thứ nhất, tiếp tục gắn khai thác bảo tồn DSVH với phát triển kinh tế, đặc biệt là gắn với phát triển du lịch khi mà nhiều sản phẩm du lịch di sản đang trở thành thương hiệu cho du lịch Việt Nam, tạo nên sự khác biệt cho hệ thống điểm đến cũng như sản phẩm du lịch của Việt Nam, thúc đẩy kết nối và đa dạng hóa các tuyến du lịch xuyên vùng và quốc tế. Quảng bá bản sắc văn hóa và hình ảnh Việt Nam trong khu vực cũng như trên thế giới. Cần giảm thiểu tối đa mục đích “thương mại hóa” di sản một cách quá đà để phục vụ du lịch, cũng như các hình thức kinh doanh khác. Trong việc trình diễn di sản, cần có sự cân nhắc kỹ lưỡng và cố gắng hài hòa, cân đối giữa nhu cầu thị trường và lợi ích của di sản, của cá nhân người thực hành và của cả cộng đồng (Nguyễn Thị Phương Châm, Hoàng Cầm, 2022: 70-71).

Thứ hai, nâng cao vai trò lãnh đạo của Nhà nước và địa phương trong việc quản lý và khai thác DSVH; tiếp tục hoàn thiện xây dựng đội ngũ cán bộ công chức trong lĩnh vực này. Đặc biệt chủ động, sáng tạo trong khi thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về văn hóa và DSVH, xác định quyền và trách nhiệm của mỗi bên để tránh tình trạng chông chéo, đùn đẩy trách nhiệm. Ngoài ra, cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về bảo tồn di sản và khai thác di sản.

Thứ ba, tăng cường biện pháp bảo vệ di sản: Cần tăng cường năng lực tổ chức, quản lý nhà nước đối với di sản, xã hội hóa công tác bảo vệ thông qua phát huy vai trò của cộng đồng địa phương; xử lý kịp thời những vi phạm trong quá trình bảo vệ, khai thác giá trị di sản.

Thứ tư, tuyên truyền, giáo dục ý thức bảo tồn di sản bằng các biện pháp như nâng cao nhận thức của tập thể và cá nhân về giá trị của di sản, giáo dục ý thức, nâng cao tinh thần trách nhiệm của cá nhân và cộng đồng về việc bảo vệ di sản. Đối với việc quảng bá di sản ra bên ngoài, cần tổ chức nhiều hơn nữa các buổi trình diễn DSVH dân tộc, mở rộng và đa dạng hóa các loại hình quảng bá di sản, tham gia hội chợ quốc tế về du lịch để quảng bá di sản - du lịch.

Thứ năm, đầu tư cho cơ sở vật chất bằng nhiều hình thức khác nhau như: Đầu tư cho việc nghiên cứu, khảo sát về di sản,... Đầu tư cơ sở vật chất, nguồn vốn để bảo tồn di sản; sử dụng có hiệu quả, tiết kiệm nguồn đầu tư đó,... Đầu tư nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để quản lý di sản. Để làm được điều này, không nên chỉ trông chờ vào nguồn ngân sách nhà nước mà còn có thể xã hội hóa, đa dạng mọi nguồn vốn đầu tư.

Thứ sáu, tôn trọng, bảo vệ và phát huy giá trị, tính đa dạng của DSVH. DSVH của Việt Nam luôn có sự đa dạng theo sự đa dạng sinh thái, đa dạng tộc người và đa dạng các biểu đạt văn hóa. Sự đa dạng ấy làm nên sức sống và sự giàu có cho các DSVH. Vì vậy, cần tiếp tục bảo vệ, phát huy giá trị và tính đa dạng của DSVH.

5. Kết luận

Như vậy, ở Việt Nam hiện nay công tác bảo tồn DSVH đã và đang được thực thi, gặt hái được không ít thành công. Ở nhiều địa phương, công tác bảo tồn văn hóa đã gắn với phát triển kinh tế - xã hội, phát

triển du lịch. Ý thức của người dân về vấn đề bảo tồn và di sản cũng dần được nâng cao; công tác xã hội hóa và quốc tế hóa về bảo tồn cũng phát triển. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn tồn tại không ít các vấn đề như: hệ thống chính sách bảo tồn chưa được hoàn thiện đáp ứng nhu cầu thực tế; hoạt động quản lý và khai thác di sản chưa đạt hiệu quả cao, nhiều cá nhân và nhiều địa phương còn chưa có nhận thức toàn diện về cân bằng giữa khai thác di sản với phát triển kinh tế... Do đó, để làm tốt công tác bảo tồn cũng như từng bước giải quyết những tồn tại trong vấn đề quản lý, bảo vệ và khai thác di sản, cần thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế □

Tài liệu tham khảo

1. Đặng Văn Bài (2022), “Góp bàn thêm về Luật di sản văn hóa”, *Tạp chí Văn hóa học*, số 1, tr. 3-8.
2. Nguyễn Chí Bền (chủ biên, 2010), *Bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể Thăng Long - Hà Nội*, Nxb. Hà Nội, Hà Nội.
3. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2022), *Báo cáo: Tổng kết thi hành Luật Di sản văn hóa*, <https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Lists/ChiDaoDieuHanh/Attachments/3590/3.%20Bao%20cao%20tong%20ket%20thi%20hanh%20Luat%20Di%20san%20van%20hoa.pdf>, truy cập ngày 25/12/2022.
4. Nguyễn Thị Phương Châm, Hoàng Cẩm (2022), “Di sản văn hóa và sự phát triển bền vững, nhân văn ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Cộng sản*, số tháng 7, tr. 64-71.
5. Cục Di sản văn hóa (2007), *Bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể*, tập 1, Nxb. Thế giới, Hà Nội.

6. Lâm Thị Mỹ Dung, Chu Lâm Anh, Nguyễn Anh Thư (2018), “Tài nguyên di sản văn hóa trong bối cảnh đương đại (Thách thức, Khó khăn trong Bảo tồn và Phát huy Giá trị)”, trong: Kỷ yếu *Hội thảo Quốc tế về Bảo tồn Cơ hội và Thách thức cho các giá trị Di sản Văn hóa*, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh, tr. 15-26.
7. Đức Hoàng (2022), “Bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới ở Việt Nam”, Báo *Tổ quốc* ngày 14/9/2022, <https://toquoc.vn/bao-ton-phat-huy-gia-tri-di-san-van-hoa-va-thien-nhien-the-gioi-o-viet-nam20220914185628054.htm>, truy cập ngày 20/11/2022.
8. Phan Thị Diễm Hương (2021), “Bảo tồn di sản văn hóa vì sự phát triển bền vững: trường hợp bảo tồn và phát triển sản phẩm du lịch ở Hoàng Thành Huế”, *Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Kinh tế và phát triển*, tập 129, số 5C, tr. 175-192.
9. Đỗ Thị Thanh Hương (2022), *Pháp luật về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể ở Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
10. Hoàng Thùy Linh, Ngô Thị Kim Liên (2020), “Quản lý, bảo tồn di sản văn hóa và sự kết nối, phát triển du lịch Việt Nam - ASEAN bền vững trong thời đại số”, *Tạp chí Khoa học Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh*, số 15(6), tr. 89-100.
11. Từ Thị Loan (2021), “Bảo tồn di sản văn hóa và phát triển kinh tế - xã hội”, *Tạp chí Tuyên giáo online* ngày 06/12/2021, <https://tuyengiao.vn/van-hoa-xa-hoi/bao-ton-di-san-van-hoa-va-phat-trien-kinh-te-xa-hoi-136999>, truy cập ngày 23/11/2022.
12. Luật Di sản văn hóa (2001), <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-nguyen-Moi-truong/Luat-di-san-van-hoa-2001-28-2001-QH10-47926.aspx>, truy cập ngày 15/11/2022.
13. Nguyễn Hồ Phong (2014), “Hệ thống pháp lý về bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể tại Việt Nam - Đôi điều ngẫm nghĩ”, *Tạp chí Văn hóa & Nguồn lực*, số 1, tr. 73-79
14. Phan Thị Phương Thảo, Lê Tiểu Thanh, Hoàng Thanh Thủy (2022), “Hệ thống di sản và xu hướng khai thác giá trị di sản tại Việt Nam”, *Tạp chí Kiến trúc*, số 5, tr. 77-81.
15. Thông tấn xã Việt Nam (2022), “Phát huy giá trị các di sản văn hóa phi vật thể”, Cổng thông tin Bộ Văn hóa, Thể Thao và Du lịch ngày 22/5/2022, <https://bvhttdl.gov.vn/phat-huy-gia-tri-cac-di-san-van-hoa-phi-vat-the-20220512091505211.htm>, truy cập ngày 24/12/2022.
16. Trịnh Thị Thủy (2021), “Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội”, *Tạp chí Cộng sản*, số tháng 11/2021, tr. 30-35.
17. Võ Quang Trọng (chủ biên, 2010), *Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa phi vật thể ở Thăng Long - Hà Nội*, Nxb. Hà Nội.
18. Đức Tuân (2018), *Chúng ta có nhiệm vụ làm di sản luôn hồi sinh*, <https://www.hcmuc.edu.vn/%E2%80%98chung-ta-co-nhiem-vu-lam-di-san-luon-hoi-sinh%E2%80%99.html>, truy cập ngày 08/01/2023.